HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 07/2019/NQ-HĐND	*Quảng Nam, ngày 12 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM
ĐẾN Số: 2981
Ngày: 31/7/2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 2106/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 31/BC-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị - xã hội các cấp;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 2. Mức chi tối đa tiếp khách nước ngoài vào làm việc do cơ quan của Việt Nam chi toàn bộ chi phí trong nước

1. Chi đón, tiễn khách tại sân bay

Chi tặng hoa cho Trưởng đoàn và phu nhân (phu quân) đối với khách hạng đặc biệt; Trưởng đoàn khách hạng A, hạng B, mức chi tặng hoa: 400.000 đồng/người.

2. Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở (bao gồm bữa ăn sáng)

a) Đoàn khách hạng A

Trưởng đoàn : 4.500.000 đồng/người/ngày;

Phó đoàn : 3.600.000 đồng/người/ngày;

Đoàn viên : 2.800.000 đồng/người/ngày.

b) Đoàn khách hạng B

Trưởng đoàn : 3.600.000 đồng/người/ngày;

Phó đoàn : 3.600.000 đồng/người/ngày;

Đoàn viên : 2.200.000 đồng/người/ngày.

c) Đoàn khách hạng C

Trưởng đoàn : 2.200.000 đồng/người/ngày;

Đoàn viên : 1.500.000 đồng/người/ngày.

d) Khách mời quốc tế khác

Tại thành phố Hội An : 800.000 đồng/người/ngày;

Tại các địa phương còn lại : 600.000 đồng/người/ngày.

3. Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối và đồ uống):

a) Đoàn khách hạng A : 1.200.000 đồng/ngày/người.

b) Đoàn khách hạng B : 800.000 đồng/ngày/người.

c) Đoàn khách hạng C : 600.000 đồng/ngày/người.

d) Khách mời quốc tế khác : 500.000 đồng/ngày/người.

4. Tổ chức chiêu đãi

Đối với khách hạng A, hạng B, hạng C: Mỗi đoàn khách được tổ chức chiêu đãi một lần. Mức chi chiêu đãi khách tối đa không vượt quá mức tiền ăn một ngày của khách theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc

a) Đoàn khách hạng A: 150.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

b) Đoàn khách hạng B: 80.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

c) Đoàn khách hạng C, khách quốc tế khác: 60.000 đồng/người/01 buổi làm việc (nửa ngày).

6. Chi dịch thuật

a) Chi biên dịch

Biên dịch một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc sang Tiếng Việt (gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Hoa, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha): 120.000 đồng/trang (350 từ).

Biên dịch Tiếng Việt sang một trong 6 ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: 140.000 đồng/trang (350 từ).

Trường hợp biên dịch đối với các ngôn ngữ ngoài ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc: Tăng 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

b) Chi dịch nói

Dịch nói thông thường: 200.000 đồng/giờ/người, tương đương 1.600.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng.

Dịch đuổi (dịch đồng thời): 400.000 đồng/giờ/người, tương đương 3.200.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng.

c) Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác biên, phiên dịch thì được thanh toán bằng 50% mức chi tại điểm a và b khoản 6 Điều này.

7. Chi tặng phẩm

a) Đối với đoàn khách hạng A

Trưởng đoàn khách: 1.300.000 đồng/người. Trường hợp có phu nhân (phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với phu nhân (phu quân): 1.300.000 đồng/người.

Thành viên chính thức và quan chức tùy tùng: 500.000 đồng/người.

b) Đối với đoàn khách hạng B

Trưởng đoàn khách: 900.000 đồng/người. Trường hợp có phu nhân (phu quân) của Trưởng đoàn đi cùng đoàn, mức chi tặng phẩm đối với phu nhân (phu quân): 900.000 đồng/người.

Thành viên chính thức và quan chức tùy tùng: 500.000 đồng/người.

8. Chế độ, tiêu chuẩn chi khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương và cơ sở:

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì đón tiếp khách chịu trách nhiệm chi toàn bộ chi phí đưa đón khách từ nơi ở chính tới địa phương, cơ sở và chi phí ăn, nghỉ cho khách trong những ngày khách làm việc tại địa phương, cơ sở theo các mức chi quy định tại khoản 2, 3 Điều này; chi dịch nói theo quy định tại các điểm b, c khoản 6 Điều này (nếu có);

b) Cơ quan, đơn vị ở địa phương hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc chi tiếp khách xã giao và các buổi làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều này; chi dịch nói theo quy định tại các điểm b, c khoản 6 Điều này (nếu có).

9. Chi đưa khách đi tham quan

Mức chi đưa đón khách từ nơi ở chính đến điểm tham quan, chi ăn, nghỉ cho khách trong những ngày đi tham quan theo các mức chi quy định tại các khoản 2, 3 Điều này và được áp dụng cho cả cán bộ phía Việt Nam tham gia đưa đoàn đi tham quan. Số lượng cán bộ Việt Nam tham gia đoàn do thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì đón đoàn phê duyệt.

Điều 3. Mức chi tối đa tiếp khách nước ngoài vào làm việc do Việt Nam chi một phần chi phí trong nước và các đoàn khách nước ngoài vào làm việc do khách tự túc mọi chi phí

Thực hiện theo nội dung chi quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính và mức chi tối đa quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 4. Mức chi tổ chức đàm phán

1. Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở trong nước

Chi bồi dưỡng: 200.000 đồng/người/buổi cho các thành viên và cán bộ tham gia phục vụ đoàn đàm phán.

2. Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở nước ngoài

Chi bồi dưỡng: 150.000 đồng/người/buổi cho các thành viên trực tiếp tham gia đoàn đàm phán trong những ngày tham gia phiên họp chuẩn bị tổ chức ở trong nước.

Điều 5. Đối tượng mời cơm tiếp khách trong nước

1. Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

a) Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Ủy viên Bộ Chính trị.

b) Đoàn khách các cơ quan Trung ương bao gồm: Các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

c) Đoàn khách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

d) Đoàn khách là các đồng chí lão thành cách mạng; Mẹ Việt Nam Anh hùng; người dân tộc thiểu số; già làng, trưởng bản, người có uy tín; chức sắc tôn giáo; các đối tượng chính sách.

đ) Các tổ chức đến thăm, làm việc, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh; các tổ chức đến quan hệ giúp đỡ, ủng hộ, làm công tác xã hội từ thiện.

e) Các đối tượng khác: Thực hiện theo kế hoạch đón tiếp của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Đối với Huyện ủy (Thị ủy,Thành ủy), Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

a) Đoàn khách các cơ quan Trung ương bao gồm: Các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

b) Đoàn khách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Các cơ quan của của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

d) Đoàn khách là các đồng chí lão thành cách mạng; Mẹ Việt Nam Anh hùng; người dân tộc thiểu số; già làng, trưởng bản, người có uy tín; chức sắc tôn giáo; các đối tượng chính sách.

đ) Các tổ chức đến thăm, làm việc, xúc tiến và hỗ trợ đầu tư; các tổ chức đến quan hệ giúp đỡ, ủng hộ, làm công tác xã hội từ thiện.

Ngoài ra, đối với một số trường hợp xét thấy cần thiết mời cơm phải được người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương phê duyệt kế hoạch tiếp đón.

3. Đối với các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh *(trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên)* và các tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ (gọi chung là cơ quan, đơn vị cấp tỉnh).

a) Đoàn khách các cơ quan Trung ương; đoàn khách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến làm việc, học tập trao đổi kinh nghiệm, đến quan hệ giúp đỡ, ủng hộ, làm công tác xã hội từ thiện.

b) Trường hợp khác xét thấy cần thiết phải mời cơm thân mật các đối tượng thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

4. Đối với cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, xã; đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện *(trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên)* và các tổ chức có sử dụng kinh phí ngân sách cấp huyện hỗ trợ (gọi chung là cơ quan, đơn vị cấp huyện)

a) Đoàn khách các cơ quan Trung ương; đoàn khách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đoàn khách các địa phương thuộc tỉnh, thành phố đến làm việc, học tập trao đổi kinh nghiệm, đến quan hệ giúp đỡ, ủng hộ, làm công tác xã hội từ thiện.

b) Trường hợp khác xét thấy cần thiết phải mời cơm thân mật các đối tượng thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

5. Đối với các đoàn khách làm việc theo chương trình, kế hoạch

a) Các đoàn khách làm việc theo chương trình, kế hoạch với quy mô toàn tỉnh được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và giao cho đơn vị cấp tỉnh chủ trì (đầu mối) để thực hiện.

b) Các đoàn khách làm việc với địa phương theo chương trình, kế hoạch được Huyện ủy (Thành ủy, Thị ủy), Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và giao cho đơn vị cấp huyện chủ trì (đầu mối) để thực hiện.

Điều 6. Mức chi tối đa tiếp khách trong nước

1. Chi giải khát: 20.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người.

2. Chi mời cơm: 250.000 đồng/suất (đã bao gồm đồ uống).

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức đàm phán: Ngân sách địa phương các cấp đảm bảo kinh phí thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí mời cơm khách của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết này: Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán hằng năm.

3. Kinh phí mời cơm khách của Huyện ủy (Thị ủy, Thành ủy), Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này: Ngân sách cấp huyện, cấp xã đảm bảo kinh phí thực hiện theo phân cấp, định mức phân bổ ngân sách hiện hành.

4. Kinh phí mời cơm khách của cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 3, 4 Điều 5 Nghị quyết này: Cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao thực hiện chế độ tự chủ, nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

5. Kinh phí mời cơm khách làm việc theo chương trình, kế hoạch quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị quyết này: Thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành, ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện bố trí riêng kinh phí (không tự chủ, không thường xuyên) và giao cho cơ quan, đơn vị chủ trì (đầu mối) để thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Nghị quyết số 189/2011/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:
- UBTVQH;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH(Phiên).

CHỦ TỊCH

Phan Việt Cường